TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2020
V/v: *"Ly hôn giữa chị D và anh U"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thành Sang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hải**
2. Ông **Huỳnh Thanh Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Thương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Chung Thị Hà D**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, H.C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Hồ Văn U**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện C, TP.Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Chung Thị Hà D trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2006 chị và anh Hồ Văn U quen biết nhau. Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương và được sự đồng ý của cha, mẹ gia đình hai bên nên vào năm 2007 anh chị đã cưới nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ và sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất

đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng đã có gắng hàn gắn nhưng không thành. Đến năm 2016 do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh U.

- Về con chung: Có một con chung tên Hồ Bảo Nam (nam), sinh ngày 18/8/2007, hiện do chị nuôi dưỡng nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Hồ Văn U cấp dưỡng nuôi.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn U không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thị Hà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Chung Thị Hà D khởi kiện anh Hồ Văn U có địa chỉ tại ấp Th, xã Tr, huyện C, thành phố Cần Thơ với yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung sau khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Khi tiến hành xét xử, anh Hồ Văn U được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Chung Thị Hà D trình bày, chị và anh Hồ Văn U cưới nhau vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa chị và anh U có nhiều mâu thuẫn, bất hòa dẫn đến chị và anh U không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian này, chị và anh U không có quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm gì với anh U và cuộc sống như thế không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh U. Còn anh U, mặc dù đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần để giải quyết, nhưng anh vẫn không đến và cũng không có bất cứ văn bản nào gửi cho Tòa án để nêu ý kiến của mình.

Như vậy, anh U đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị D và anh U không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, không công nhận chị D và anh U là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Chung Thị Hà D yêu cầu được nuôi con chung tên Hồ Bảo Nam. Xét thấy, cháu Nam hiện do chị D nuôi dưỡng và chị D có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nam. Ngoài ra, cháu Nam cũng có nguyện vọng sống chung với chị D. Cho nên, Hội đồng xét xử giao cháu Nam cho chị D nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Chung Thị Hà D không yêu cầu anh Hồ Văn U cấp dưỡng nuôi con nên anh U không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.5] Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Chung Thị Hà D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thị Hà D đối với anh Hồ Văn U.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Chung Thị Hà D và anh Hồ Văn U.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Bảo Nam (nam), sinh ngày 18/8/2007 cho chị Chung Thị Hà D nuôi dưỡng. Anh Hồ Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Hồ Văn U, không ai được phép cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

1.4. Về nghĩa vụ chung: Ghi nhận lời khai của đương sự là không có, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Chung Thị Hà D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai số 013081 ngày 04 tháng 5 năm 2020 thành án phí.

3. Tuyên án công khai. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Tr, huyện C;
- Phòng Tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- TAND TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thành Sang